

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/06/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RC4+P2	7:25	18+0+1	0+0+0		11+5+6	0+0+0	chuyen 1-rc4-p2
2		P6+BK21+CTK3	7:25	7+0+15	0+0+0		1+5+16	0+0+0	chuyen 1-P6-bk21
3		BK9+BK14+RP1	7:25	4+13+1	0+0+0		5+10+7	0+0+0	
4		T.UNG	8:00	16	0		15	0	
5		AMD+VSP02+TD5	9:25	16+1+5	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
6		TD3+TD2+CLO	9:25	7+1+12	0+0+0		1+5+16	0+0+0	
7		BK16+BK10+PPD	9:25	0+0+18	0+0+0		0+1+21	0+0+0	chuyen 2 bk16-bk10
8		RC5+CTK3+BK14	11:30	1+21+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
9		HSD+AMD+CNV	11:30	5+11+6	0+0+0		5+11+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Di về trong ngày bk14-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2023	TO: CLO - RC4 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - XTrương - Vũ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DATSKO PAVEL	CLO	07	1	5		110	KHOAN	Russian
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	14	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HIẾU	CLO	09-10	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	01	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ MINH TŨ	CLO	63-64	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HỮU SƠN	CLO	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH SƠN	CLO	02-03	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH NGỌC BÌNH	CLO	04	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	59-60	2	19		65	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ TIẾN ĐƯƠNG	CLO	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHŨ VINH	CLO	05	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
14	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ HẢI LONG	CLO	65-66	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH VĂN THÔNG	CLO	61	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN AN	CLO	12-13	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN PHŨ	CLO	08	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	28-29	2	10	80	72	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	24	136	1.355	0	11		CHUYEN 01 PAX TU RC4 SANG P2
2	RC4	0	0	0	0	20	4		
3	P2	1	2	10	72	80	7		
TOTAL		19	26	146	1.427	100	22		
WEIGHT KG				146	1.427	100			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P6 - BK21 - CTK3	CREW: VThắng - ĐNam - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU THE ANH	P6					74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN CONG DINH	P6	70	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HA	P6	71	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TRUNG	P6	75-76	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	VU DUC THIEN	P6	72-73	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
6	DOAN VAN GIAP	P6	77-78	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN DUY TRONG	P6	74	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
8	VU VAN TIEN	CTK3	92	1	10	40	69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM DUC BINH	CTK3	78-79	2	17		81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DAN	CTK3	91,32	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN QUANG CHUNG	CTK3	98	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG HA	CTK3	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HA MINH GIANG	CTK3	94	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	03	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	01	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG MANH	CTK3	04	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TAT THANG	CTK3	95	1	4		65	YTE	Vietnamese
18	TRAN DUC TRUNG	CTK3	02	1	7		78	FPT PETRO	Vietnamese
19	HOANG TUAN PHONG	CTK3	30-31	2	12		65	FPT PETRO	Vietnamese
20	NGUYEN TRAN DUC MINH	CTK3	96-97	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG HAI	CTK3	80	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	93	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	7	9	87	485	0	171		CHUYEN 1 PAX P6-BK21
2	BK21	0	0	0	0	0	5		
3	CTK3	15	19	116	1.066	40	16		
TOTAL		22	28	203	1.551	40	22		
WEIGHT KG				203	1.551	40			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/06/2023	TO: BK9 - BK14 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Huy	ETA: 09:30
VANG-1			

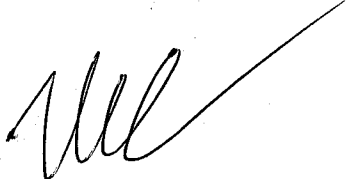
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAN PHONG	BK9	24	1	7	18	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN CONG CONG	BK9	22	1	10	30	68	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG TUAN ANH	BK9	25	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TUAN	BK9	23	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG VAN HOA	BK14					53	KH-THAC	Vietnamese
6	VO MINH LUAN	BK14					73	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC TUNG	BK14	75	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DUC CUONG	BK14	72	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH DUC	BK14	79	1	5	55	68	KH-THAC	Vietnamese
10	VU DINH HUY	BK14	78	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM QUANG THAI	BK14	73	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
12	VO NGOC CHINH	BK14	76	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
13	LE TRUONG SA	BK14					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TUAN	BK14					75	KH-THAC	Vietnamese
15	DANG XUAN THANG	BK14	70	1	10	14	70	KH-THAC	Vietnamese
16	TO CONG TANH	BK14	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO HUU TAO	BK14	74	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
18	VO VAN DONG	RP1				15	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	4	4	27	288	48	5		
2	BK14	13	9	49	910	69	10		
3	RP1	1	0	0	75	15	7		
TOTAL		18	13	76	1.273	132	22		
WEIGHT KG				76	1.273	132			

GRAND TOAL: 1.481 KGS

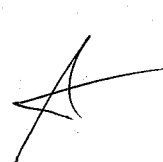
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: AMD - VSP02 - TD5	CREW: CHIẾN - XTrường - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN TUYEN	AMD	42	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
2	THAN CANH THINH	AMD	34-35	2	14		75	TLJOC	Vietnamese
3	LA THANH	AMD	44	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN LAM	AMD	27	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN VAN DUNG	AMD	41	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUOC HUY	AMD	38-39	2	12		86	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CONG DUNG	AMD	22-23	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TRI TRUNG	AMD	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG THE KHAI	AMD	36-37	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG THANH TUNG	AMD	28-29	2	13	20	63	ABS	Vietnamese
11	LE VAN TRUONG	AMD	32	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH TAN	AMD	24	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LE ANH MINH	AMD	40	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG LONG	AMD	30-31	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	33	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HA	AMD	26	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
17	ROTSCHIEDT ALEXANDER	VSP02	07	1	10	35	98	NHATHAU	New Zealand
18	BUI QUANG TUYNH	TD5	04	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TINH	TD5	01	1	10	20	80	KHOAN	Vietnamese
20	DINH SY TUAN	TD5	05-06	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGO VAN SON	TD5	03	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
22	MAI THE HIEN	TD5	02	1	10		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	22	130	1.117	60	11		
2	VSP02	1	1	10	98	35	0		
3	TD5	5	6	50	380	20	11		
TOTAL		22	29	190	1.595	115	22		
WEIGHT KG				190	1.595	115			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/06/2023	TO: TD3 - TD2 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cương -	ETA: 11:45
CAM-2		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN KHUONG	TD3	08	1	5	40	74	VR	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG HUY	TD3	09	1	9		63	VR	Vietnamese
3	REMENNIKOV FEDOR	TD3	04	1	9		95	KHOAN	Russian
4	LE XUAN THANG	TD3	06-07	2	16		82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH PHUONG	TD3	03	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG MINH TUAN	TD3	05	1	13		81	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN GIANG	TD3	01-02	2	18	19	80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DUY KIEN	TD2	86	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHI NGHIET	CLO	47	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN SI LONG	CLO	51-52	2	15		73	KHOAN	Vietnamese
11	TU QUOC VIET	CLO	53	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HUNG	CLO	55	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VINH	CLO	48	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN THANH TAM	CLO	54	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN TUAN	CLO	58	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN VAN TRINH	CLO	56-57	2	14		72	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN DOAN SUU	CLO	49	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
18	ĐO TIEN DUNG	CLO	52	1	5		58	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	9	79	557	59	1		
2	TD2	1	1	4	79	0	5		
3	CLO	10	12	75	694	0	16		
TOTAL		18	22	158	1.330	59	22		
WEIGHT KG				158	1.330	59			

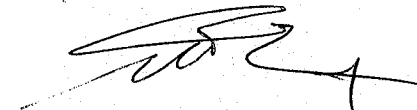
GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	TO: BK16 - BK10 - PPD	CREW: Dương - N.ANH - Huy	ETA: 11:50
VANG-2			

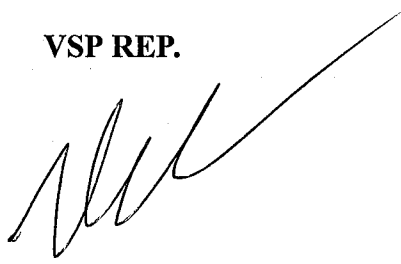
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THANH HÙNG	PPD				25	68	YTE	Vietnamese
2	CÔNG ĐỨC TÂM	PPD	83	1	4	20	68	D-HANH	Vietnamese
3	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	99,100	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	94	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NANG PHONG	PPD	97	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIỆT TIEN	PPD	80-81	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CAO CUONG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SON	PPD	98	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VAN ĐÀO	PPD	82	1	15		88	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH TRÍ	PPD	90	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	84-85	2	12		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN CONG DUNG	PPD					69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TIEN DAT	PPD	86	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	91-92	2	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	BIỆN MINH SƠN	PPD	93	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	96	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HOÀNG PHÚC	PPD	95	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	0	0	0	0	0	0	12	CHUYEN 2 PAX BK16-BK10
2	BK10	0	0	0	0	92	1		
3	PPD	18	18	101	1.268	45	21		
TOTAL		18	18	101	1.268	137	22		
WEIGHT KG				101	1.268	137			

GRAND TOAL: 1.506 KGS

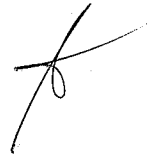
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	TO: RC5 - CTK3 - BK14	CREW: QViệt - NPhú - Toan	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	RC5	02-03	2	14	50	70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUU	CTK3	76	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE MINH ĐỨC	CTK3	77-78	2	16		81	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM ĐỨC KIEM	CTK3	86	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	85	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI SY LONG	CTK3	81	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH QUANG	CTK3	80	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	75	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	74	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TUYẾN	CTK3					66	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN BÌNH	CTK3	79	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC CƯỜNG	CTK3	72	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUU HOANG ANH	CTK3	89-90	2	14		105	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	CTK3					85	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	83	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN THANH	CTK3	82	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN SƠN TÙNG	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH THIÊN TÙNG	CTK3	73	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH VIỆT THẮNG	CTK3	71	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐẠM QUÊ	CTK3					79	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	84	1	7		49	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	87-88	2	6		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	1	2	14	70	50	0		
2	CTK3	21	20	151	1.577	0	18		
3	BK14	0	0	0	0	35	4		
TOTAL		22	22	165	1.647	85	22		
WEIGHT KG				165	1.647	85			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2023	TO: HSD - AMD - CNV	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cương -	ETA: 14:05
CAM-3		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THÈ THANH	HSD	64	1	8	40	73	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH TÙNG	HSD	66	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ PHAN NGỌC CHAU	HSD	65	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ TRI HÙNG	HSD	67	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRUNG	AMD	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	AMD	12-13	2	9		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN GIA ĐỊNH	AMD	09	1	17		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	06	1	5		62	PSV	Vietnamese
9	TRẦN CAO TẠNG	AMD	16	1	5		76	PSV	Vietnamese
10	PHẠM TUẤN THANH	AMD	10	1	5		78	PSV	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	11	1	5	50	73	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	17-18	2	10		64	PSV	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH HÙNG	AMD	07	1	5		83	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NHÂN	AMD	08	1	5		79	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	AMD	14	1	6		68	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ QUỐC TUNG	CNV	80	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN THAI	CNV	77-78	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CANH HÙNG	CNV	76	1	5	18	64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HAO	CNV	82	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	81	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN THỊNH	CNV	79	1	6		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	4	4	33	289	40	5		
2	AMD	11	13	77	792	50	11		
3	CNV	6	7	42	416	18	6		
TOTAL		21	24	152	1.497	108	22		
WEIGHT KG				152	1.497	108			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/06/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD5+P11	7:25	20+0+2	0+0+0		19+0+3	0+0+0	chuyen 1 td2-td5
2		P2+P9+P8	7:25	5+10+5	0+0+0		1+4+17	0+0+0	chuyen 1 p2-p9
3		P1+P2+BK3	9:25	11+5+2	0+0+0		6+12+4	0+0+0	
4		P4+BK15+TD2	9:25	8+1+12	0+0+0		8+0+14	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
4 người Ppđ về qua P2



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - TD5 - P11	CREW: HUNG - MTHAO - PTUAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GROMOV SERGEY	TD2	95	1	10		87	KHOAN	Russian
2	VÔ SĨ HOÀI THANH	TD2	91	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	99	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
4	BUI HUU HONG	TD2					90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	96	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	93	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TRUNG THO	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUNG	TD2	97	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN GIA THAO	TD2	92	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	94	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ PHU	TD2	98	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
12	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	02	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2	90	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HUNG	TD2	01	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	200	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ TRỌNG HAI	TD2	03-04	2	20		82	YTE	Vietnamese
17	VŨ VĂN QUY	TD2	495-496	2	12		55	KHOAN	Vietnamese
18	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	87	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	88	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	89	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGÔ HOÀNG NAM	P11	86	1	18		78	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ LÝ KHANH	P11	87	1	7		88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	20	113	1.409	0	19		CHUYEN 1 PAX TD2-TD5
2	TD5	0	0	0	0	0	0		
3	P11	2	2	25	166	0	3		
TOTAL		22	22	138	1.575	0	22		
WEIGHT KG				138	1.575	0			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2023	TO: P2 - P9 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinH - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG NINH	P2					69	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THIỆU	P2	80	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHANH	P2	82	1	6	20	67	PSV	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HIỆP	P2	81	1	7		75	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	79	1	5		48	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN BA LƯỢNG	P9				15	68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY HÙNG	P9	87-88	2	13		69	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN DOANH	P9					74	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN HÙNG	P9	91	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐAM	P9	84	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG MINH	P9	85	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TUẤN LONG	P9	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	89	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN HUY	P9	90	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN VIỆT HÙNG	P9	92	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGỌC LAM	P8	12	1	5	7	75	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN LÊ KIẾN	P8	43	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HẢO	P8	44	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ MẠNH HẢI	P8	45	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VĂN LINH	P8	13	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	4	26	329	20	1	1	CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG P9
2	P9	10	9	55	735	15	4		
3	P8	5	5	32	389	7	17		
TOTAL		20	18	113	1.453	42	22		
WEIGHT KG				113	1.453	42			

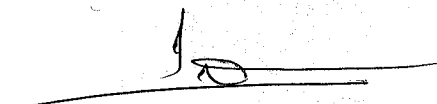
GRAND TOAL: 1.608 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: P1 - P2 - BK3	CREW: HUNG - MTHAO - PTUAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU DŨNG	P1	23-24	2	10	38	85	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO ĐĂNG PHONG	P1	22	1	3	45	72	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ QUANG ANH	P1	27	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MINH PHƯƠNG	P1	21	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUỐC KHÁNH	P1	18	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ HỮU HUY TŨ	P1	29	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH NHÀ	P1	25	1	11		78	PSV	Vietnamese
8	BUI VĂN QUÂN	P1	20	1	2		68	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	28	1	3		63	PSV	Vietnamese
10	PHẠM PHU BÌNH	P1	19	1	5		66	PSV	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUY	P1	26	1	5		81	PSV	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG VĂN	P2	35	1	7		72	PSV	Vietnamese
13	BUI LONG HUNG	P2	27	1	6		70	PSV	Vietnamese
14	MAI MINH TIẾN	P2	38	1	4		71	PSV	Vietnamese
15	LÊ DUY HAI	P2	34	1	6		72	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	P2	37	1	5		82	PSV	Vietnamese
17	DUONG XUAN TOAN	P2	36	1	6		58	PSV	Vietnamese
18	KIM NHẬT THÀNH	BK3	01-02	2	12	50	71	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN NAM HOÀNG	BK3	03-04	2	15		57	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	11	12	58	805	83	6		
2	P2	6	6	34	425	0	12		
3	BK3	2	4	27	128	50	4		
TOTAL		19	22	119	1.358	133	22		
WEIGHT KG				119	1.358	133			

GRAND TOAL: 1.610 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2023	TO: P4 - BK15 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinH - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	61	1	5	40	77	PSV	Vietnamese
2	TRẦN THANH LIÊM	P4	62	1	4		64	PSV	Vietnamese
3	BUI VĂN MUỘI	P4	63	1	6		55	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	59	1	5		63	PSV	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG KIẾN (1991)	P4	54	1	4		66	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN ANH	P4	60	1	12		78	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	57	1	7		84	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG NHÂN	P4	64	1	5		72	PSV	Vietnamese
9	HA QUANG TRUNG	BK15	24	1	10	34	51	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HAI SƠN	TD2	25	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ĐỨC THÂN	TD2	21	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	22	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THANH	TD2	26-27	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ THANH QUANG	TD2	24	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG MINH SƠN	TD2	20	1	11		74	ANTOAN	Vietnamese
16	TẠ VĂN HAI	TD2	23	1	5		64	PSV	Vietnamese
17	HOANG VIET ANH	TD2	18	1	7		65	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN HUNG	TD2	19	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN BINH LONG	TD2	30	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG TAN	TD2	28-29	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	8	48	559	40	8		
2	BK15	1	1	10	51	34	0		
3	TD2	11	13	79	811	0	14		
TOTAL		20	22	137	1.421	74	22		
WEIGHT KG				137	1.421	74			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



